

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2023
V/v Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con, chia tài sản và
nợ chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào – Nguyên là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà Trần Ánh Nhạn – Nguyên là Phó trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản và nợ chung sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1988 (Có mặt).

Cư trú tại: Tổ 34, ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Khu phố N, phường B, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Lữ Cơ Đ, sinh năm 1984 (Có mặt).

Cư trú tại: Tổ 34, ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền về chia tài sản sau khi ly hôn của bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1959. Cư trú tại: Số 9, khu phố T2, phường T3, thị xã T4, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 15-02-2023) (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lưu Thị G1, sinh năm 1962 (Có mặt).

3.2. Ông Lữ Hồng N1, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

3.3. Anh Lữ Cơ N2, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Tất cả cùng cư trú tại: Tổ 34, ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-12-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Theo Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST ngày 15-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chồng chị là anh Lữ Cơ Đ đối với chị và anh Đ được ly hôn với chị.

- Về con chung: Giao cho anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lữ Thị Ánh T5, sinh ngày 02-01-2009. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Sau khi Bản án như trên đã có hiệu lực pháp luật thì:

- Về con chung: Sau khi chị với anh Đ ly hôn thì cháu Lữ Thị Ánh T5 đã về sống chung với chị từ cuối tháng 12 năm 2022 âm lịch cho đến nay nên cháu T5 không có sống với anh Đ. Hiện nay nguyện vọng của cháu T5 muốn được tiếp tục sống với chị nên chị yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là yêu cầu anh Đ giao cháu T5 cho chị được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị và anh Đ có tài sản chung là phần đất có diện tích 399,6 m², thuộc thửa đất số 2186, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc: Ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS09814 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị và anh Đ đứng tên ngày 01-7-2020 và 01 căn nhà tường cấp 4 có diện tích ngang khoảng 5 mét, dài khoảng 20 mét được xây dựng trên phần đất này vào năm 2012. Nguồn gốc phần đất trên là do cha mẹ chồng của chị là ông Lữ Hồng N1 và bà Lưu Thị G1 tặng cho chung chị với anh Đ theo Hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất ngày 06-6-2020 được Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện G chứng thực. Riêng căn nhà tường cấp 4 là do vợ chồng chị đã bỏ tiền ra chung để xây dựng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu chia đôi số tài sản chung là đất và nhà như trên cho chị với anh Đ mỗi người được chia 01 nửa. Tại phiên tòa, chị thay đổi yêu cầu là chị yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất theo tỷ lệ 6:4,

tức là anh Đ được chia 06 phần và chị được chia 04 phần do nguồn gốc đất này là của cha mẹ chồng tặng cho nên anh Đ được chia nhiều hơn chị.

Nguyện vọng của chị là giao nhà, đất tranh chấp này cho anh Đ quản lý, sử dụng và anh Đ có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị nhà, đất này được chia cho chị theo kết quả như đã định giá.

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện chị còn yêu cầu chia 01 số tài sản chung là công trình phụ và các vật dụng trong nhà, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị đã tự nguyện rút lại yêu cầu chia các tài sản chung này.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống, ngày 20-01-2021 chị và anh Đ có vay của Ngân hàng TMCP Nam Á, chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch G số tiền 240.000.000 đồng với thời hạn vay là 12 tháng và có thế chấp phần đất mà chị với anh Đ đứng tên như trên để đảm bảo cho khoản vay này. Tuy nhiên, do chị và anh Đ xảy ra mâu thuẫn mà không sống chung được nữa nên chị đã bỏ nhà đi. Sau đó, anh Đ có vay của anh Lữ Cơ N2 là em ruột của anh Đ số tiền 240.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng nên nay chị đồng ý có nghĩa vụ cùng với anh Đ trả số tiền nợ vay 240.000.000 đồng này cho anh N2 với mỗi người phải trả cho anh N2 01 nửa số tiền nợ là 120.000.000 đồng.

Đối với số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K 9t8 mà mẹ chồng của chị là bà G1 yêu cầu chị và anh Đ có nghĩa vụ trả thì chị xác định chị không có vay số tiền và vàng này của bà G1 nên chị không đồng ý có nghĩa vụ cùng với anh Đ trả số nợ này cho bà G1. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lữ Cơ Đ trình bày:

- Về con chung: Ngày 15-7-2022 anh và chị K đã ly hôn theo Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST ngày 15-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện G. Theo đó, cháu T5 là con chung của anh với chị K được giao cho anh được nuôi và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng từ tháng 01-2023 cho đến nay cháu T5 đã về sống với chị K nên anh tôn trọng theo ý kiến của cháu T5 là muốn sống với chị K và anh đồng ý thay đổi người trực tiếp nuôi con theo như yêu cầu của chị K là anh đồng ý giao cháu T5 cho chị K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh đồng ý chia số tài sản chung là đất cùng với căn nhà tường cấp 4 có trên đất như trên theo như yêu cầu của chị K, nhưng anh yêu cầu chia đất này theo tỷ lệ 9:1, tức là chia được hưởng 09 phần và chị K được hưởng 01 phần do chị K không có công sức đóng góp gì đối với phần đất này vì đất này do cha mẹ của anh cho anh cùng với chị K theo hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất ngày 06-6-2020 được UBND xã P, huyện G chứng thực và chị K cũng có lỗi trong quan hệ hôn nhân là chị Kiều tự ý lấy số tiền thuộc tài sản chung của anh để kinh doanh gây ra nợ nần rồi tự ý bỏ nhà đi. Riêng căn nhà

tường cấp 4 có trên đất được xây dựng từ năm 2012 là do anh với chị K bỏ tiền ra xây dựng chung nên anh đồng ý chia đôi nhà này cho anh với chị K mỗi người được hưởng 01 nửa. Nguyên vọng của anh là muốn nhận đất và nhà này, anh đồng ý thanh toán lại giá trị đất và nhà này cho chị K theo kết quả đã định giá.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống, anh và chị K có nợ mẹ ruột của anh là bà G1 số tiền vay 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K 9t8 vì năm 2019 anh với chị K vay của bà G1 để trả nợ riêng của chị K. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh yêu cầu chị K có nghĩa vụ cùng với anh trả số nợ này cho bà G1 nhưng tại phiên tòa bà G1 tự nguyện rút lại yêu cầu trả nợ này nên anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, sau khi chị K bỏ nhà đi thì ngày 20-01-2022 anh có vay của em ruột anh là anh N2 số tiền 240.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Nam Á, chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch G vì đây là số tiền nợ chung của anh và chị K thế chấp giấy đất để vay nên anh yêu cầu chia đôi số nợ chung 240.000.000 đồng này cho anh với chị K mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh N2 01 nửa với số tiền là 120.000.000 đồng. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Lữ Cơ Đ (đối với phần chia tài sản sau khi ly hôn) là ông Trần Văn T1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh Đ về vấn đề chia tài sản nên ông không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị G1 trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Đ nên khoảng tháng 9-2019 anh Đ và chị K có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K 9t8, hai bên không có thỏa thuận lãi, không làm giấy nợ do mẹ con với nhau và mục đích anh Đ với chị K vay tiền, vàng như trên của bà để mua phần đất tại khu phố N, phường B, thị xã T là quê của chị K và anh Đ với chị K xin góp trả hàng tháng là 10.000.000 đồng và xin trả nợ này trong thời hạn 02 năm.

Đến năm 2020 anh Đ với chị K đã trả dần cho bà với mỗi tháng là 10.000.000 đồng và trả được 10 tháng với tổng số tiền là 100.000.000 đồng nhưng do mẹ con với nhau nên khi trả tiền hai bên không có làm giấy tờ. Hiện nay anh Đ với chị K còn nợ của bà số tiền 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K 9t8 mà không trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu chị K và anh Đ có nghĩa vụ trả cho bà cùng với chồng bà là ông Lữ Hồng Nhị số nợ vay 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K 9t8 vì đây là tài sản chung của vợ chồng bà. Tại phiên tòa, bà tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu trả nợ như trên và không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Hồng Nhị trình bày:

Ông là chồng của bà Lưu Thị Giúp và ông thống nhất với lời trình bày của bà Giúp nên ông không yêu cầu gì khác.

Tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lữ Cơ Nguyên trình bày:

Anh là em ruột thứ 4 của anh Đức nên ngày 20-01-2022 anh có cho anh Đức vay số tiền 240.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng TMCP Nam Á, chi nhánh Tây Ninh, phòng giao dịch Gò Dầu mà anh Đức với chị Kiều đã thế chấp giấy đất để vay vào năm 2021, do là anh em ruột với nhau nên hai bên không thỏa thuận lãi, không làm giấy nợ và không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng anh Đức hứa là từ từ có tiền sẽ góp trả nợ này dần dần cho anh.

Nay do anh Đức và chị Kiều giải quyết chia tài sản chung nên anh yêu cầu anh Đức và chị Kiều có nghĩa vụ trả cho anh số tiền nợ là 240.000.000 đồng và anh không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là ông Lương Bá Xanh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 59, 62 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều đối với anh Đức.

- Về con chung: Giao cháu Lữ Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 02-01-2009 cho chị Kiều được quyền trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị Kiều không yêu cầu anh Đức phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chia $\frac{1}{2}$ căn nhà tường cấp 4 tranh chấp có giá trị 82.267.615 đồng cho chị Kiều và ghi nhận chị Kiều yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền. Phần đất tranh chấp có diện tích thực tế 399,6 m², thuộc thửa đất số 2186, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc tại: Ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh có giá trị 786.000.000 đồng được chia theo tỷ lệ 6:4 cho anh Đức được hưởng 06 phần và chị Kiều được hưởng 04 phần. Giao cho anh Đức được quyền quản lý, sử dụng đất, nhà này và anh Đức có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần tài sản được chia cho chị Kiều.

- Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Kiều do chị Kiều rút 01 phần đơn yêu cầu đối với việc yêu cầu chia công trình phụ và các vật dụng trong nhà.

- Về nợ chung:

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Giúp về việc yêu cầu chị Kiều và anh Đức phải trả số tiền 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K 9t8 do tại phiên tòa bà Giúp tự nguyện rút đơn khởi kiện.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyên về việc yêu cầu chị Kiều và anh Đức phải trả số tiền 240.000.000 đồng. Buộc anh Đức và chị Kiều phải mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên cho anh Nguyên.

- Án phí và chi phí tố tụng tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa ông Nhị và anh Nguyên vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo đơn khởi kiện chị Kiều yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được Tòa án xác định khi thụ lý vụ án là “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn”. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Giúp và anh Nguyên yêu cầu chị Kiều và anh Đức có nghĩa vụ trả số tiền nợ chung nên Hội đồng xét xử xác định thêm quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp về nợ chung sau khi ly hôn” là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện của chị Kiều và yêu cầu độc lập của bà Giúp:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Kiều có yêu cầu chia tài sản chung là công trình phụ và các vật dụng trong nhà, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị Kiều tự nguyện rút lại yêu cầu chia các tài sản này. Đồng thời, tại phiên tòa bà Giúp tự nguyện rút lại yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chị Kiều và anh Đức phải trả số tiền vay 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K 9t8. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu chia các tài sản này của chị Kiều và yêu cầu độc lập của bà Giúp nên chị Kiều và bà Giúp có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại các yêu cầu này là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị Kiều thì thấy:

Theo Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST ngày 15-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định giao cho anh Đức được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lữ Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 02-01-2009 và chị Kiều không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, kể từ khoảng tháng 01-2023 cho đến nay cháu Tuyết đã về sống với chị Kiều nên chị Kiều yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là giao cháu Tuyết cho chị Kiều được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Kiều không yêu cầu anh Đức phải cấp dưỡng nuôi con và anh Đức cũng đồng ý với yêu cầu này của chị Kiều. Xét thấy, việc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn như trên của chị Kiều với anh Đức là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuyết là muốn được tiếp tục sống với chị Kiều, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận theo yêu cầu của chị Kiều là phù hợp với Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Qua đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp thể hiện:

[2.2.1] Phần đất tranh chấp có diện tích 399,6 m², thuộc thửa đất số 2186, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc: Ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CV 849402, sổ vào sổ cấp GCN: CS09814 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Đức và chị Kiều đứng tên ngày 01-7-2020. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất số 1959 gồm các đoạn dài 37,54 m + 7,70 m + 2,76 m, Tây giáp thửa đất số 2185 dài 48,02 m, Nam giáp đường bê tông dài 7,86 m và Bắc giáp thửa đất số 1963 dài 8,94 m. Đất trị giá: 786.000.000 đồng.

[2.2.2] Tài sản trên đất là 01 căn nhà tường cấp 4 có diện tích 95,5 m², kết cấu: Móng gạch, cột gạch, tường gạch có tô, mái tole, có đóng trần, sơn nước, nền lát gạch ốp lát các loại, cửa sắt kính, có nhà vệ sinh bên trong nhà và được xây dựng năm 2012. Nhà trị giá: 82.267.615 đồng.

[2.2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Kiều và anh Đức đều xác định phần đất và căn nhà tường như trên là tài sản chung của anh chị nên tổng giá trị tài sản chung này là 786.000.000 đồng + 82.267.615 đồng = 868.267.615 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu độc lập của anh Nguyên về việc yêu cầu chị Kiều và anh Đức có nghĩa vụ trả số tiền vay 240.000.000 đồng thì thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, cả chị Kiều và anh Đức đều thừa nhận việc anh Đức có vay của anh Nguyễn số tiền 240.000.000 đồng để trả số tiền nợ chung mà chị Kiều và anh Đức đã vay của Ngân hàng TMCP Nam Á, chi nhánh tỉnh Tây Ninh, phòng giao dịch Gò Dầu vào năm 2021. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Kiều và anh Đức đều đồng ý chia đôi số tiền nợ chung này nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là có căn cứ và phù hợp với Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình và các điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận anh Nguyễn không yêu cầu tính lãi.

[2.4] Khấu trừ nợ chung vào tài sản chung của chị Kiều và anh Đức:

Do số tiền nợ chung 240.000.000 đồng mà chị Kiều và anh Đức có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn phát sinh từ việc là năm 2021 chị Kiều và anh Đức thế chấp phần đất đang tranh chấp để vay tiền của Ngân hàng TMCP Nam Á, chi nhánh tỉnh Tây Ninh, phòng giao dịch Gò Dầu nhưng chưa trả mà anh Đức vay tiền của anh Nguyễn để trả nợ cho Ngân hàng nên số tiền nợ này của anh Nguyễn được khấu trừ vào giá trị tài sản chung của phần đất đang tranh chấp là 786.000.000 đồng. Vì vậy, giá trị tài sản chung còn lại của phần đất này sau khi khấu trừ nợ chung như trên là 786.000.000 đồng – 240.000.000 đồng = 546.000.000 đồng.

[2.5] Xét yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn là quyền sử dụng đất và căn nhà tường cấp 4 của chị Kiều thì thấy:

[2.5.1] Đối với quyền sử dụng đất tranh chấp:

Cả chị Kiều và anh Đức đều xác định là năm 2012 chị Kiều và anh Đức đã xây dựng 01 căn nhà tường cấp 4 để ra sống riêng trên phần đất tranh chấp có diện tích 399,6 m², thuộc thửa đất số 2186, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc: Ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh và anh chị đã quản lý, sử dụng phần đất này cho đến khi ly thân vào năm 2022. Nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông Nhị và bà Giúp là cha mẹ của anh Đức tặng cho theo Hợp đồng tặng, cho quyền sử dụng đất ngày 06-6-2020 được UBND xã Thanh Phước chứng thực với số 77, quyển số 01/2020 TP/CC-SCN nên đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đồng thời, do việc gây ra nợ mà chị Kiều không thể chung sống với anh Đức được nữa nên chị Kiều đã tự ý bỏ nhà của chị Kiều với anh Đức để về nhà cha mẹ của chị Kiều sống cho đến nay nên chị Kiều cũng có 01 phần lỗi trong quan hệ vợ chồng với anh Đức dẫn đến việc chị Kiều với anh Đức phải ly hôn.

Do nguồn gốc phần đất tranh chấp như trên là cha mẹ của anh Đức tặng cho chung chị Kiều với anh Đức và nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn là có 01

phần lỗi của chị Kiều nên cần xem xét chia cho anh Đức được hưởng phần tài sản chung đối với phần đất này nhiều hơn so với chị Kiều là có căn cứ. Tuy nhiên, việc anh Đức yêu cầu chia giá trị của phần đất trên (546.000.000 đồng) cho anh Đức theo tỷ lệ 9:1, tức là anh Đức được hưởng 09 phần và chị Kiều chỉ được hưởng 01 phần do chị Kiều không có công sức gì là hoàn toàn không phù hợp, bởi vì chị Kiều vẫn có công sức quản lý, gìn giữ và tôn tạo phần đất này cùng với anh Đức từ năm 2012 cho đến có giá trị như hiện nay nên cần chia giá trị của phần đất theo tỷ lệ 6:4 như chị Kiều yêu cầu, tức là chia cho anh Đức được hưởng 06 phần tương ứng với số tiền 327.600.000 đồng và chia chị Kiều được hưởng 04 phần tương ứng với số tiền 218.400.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.5.2] Đối với căn nhà tường cấp 4 tranh chấp:

Cả chị Kiều và anh Đức đều xác định căn nhà tường cấp 4 có diện tích 95,5 m² như trên là do chị Kiều và anh Đức cùng bỏ tiền ra để xây dựng. Anh chị cũng thống nhất chia đôi giá trị căn nhà này (82.267.615 đồng) theo yêu cầu của chị Kiều với mỗi người được chia số tiền là 41.133.807 đồng nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.5.3] Từ những phân tích tại mục [2.5.1] và mục [2.5.2] như trên thì tổng cộng chị Kiều được chia tài sản chung với số tiền là 218.400.000 đồng + 41.133.807 đồng = 259.533.807 đồng và anh Đức được chia tài sản chung là 327.600.000 đồng + 41.133.807 đồng = 368.733.807 đồng.

[2.5.4] Xét thấy, hiện nay nhà và đất tranh chấp đang do anh Đức quản lý, sử dụng và cả chị Kiều với anh Đức đều thống nhất là giao nhà và đất này cho anh Đức được quyền quản lý, sử dụng và anh Đức có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị chia tài sản chung bằng tiền cho chị Kiều nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là có căn cứ và phù hợp với Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì vậy, anh Đức có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền từ việc chia tài sản chung cho chị Kiều là 259.533.807 đồng.

[2.6] Do anh Đức được quyền quản lý, sử dụng nhà và đất tranh chấp là tài sản chung của chị Kiều với anh Đức và anh Nguyễn là em ruột của anh Đức, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cho anh Đức có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn số tiền nợ 240.000.000 đồng mà anh Nguyễn đã yêu cầu là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Kiều phải 7.400.000 đồng (do được chia 04 phần) và anh Đức phải chịu 11.100.000 đồng

(do được chia 06 phần). Ghi nhận chị Kiều đã nộp số tiền tạm ứng là 18.500.000 đồng nên được khấu trừ vào số tiền mà chị Kiều phải chịu và anh Đức có nghĩa vụ nộp lại số tiền trên để hoàn trả lại cho chị Kiều là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Kiều phải chịu tiền án phí trên giá trị tài sản được chia (259.533.807 đồng) và $\frac{1}{2}$ tiền án phí trên số tiền nợ phải trả cho anh Nguyên.

Anh Đức phải chịu 300.000 đồng tiền án phí yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, tiền án phí trên giá trị tài sản được chia (368.733.807 đồng) và $\frac{1}{2}$ tiền án phí trên số tiền nợ phải trả cho anh Nguyên.

Anh Nguyên không phải chịu án phí.

Bà Giúp và ông Nhị là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 92, 147, 157, 165, 217, 218, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 37, 59, 62, 84, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình và các điều 12, 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao cho chị Kiều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lữ Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 02-01-2009. Ghi nhận chị Kiều không yêu cầu anh Đức phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đức có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị Kiều.

2.1. Giao cho anh Đức được quyền sử dụng phần đất có diện tích 399,6 m², thuộc thửa đất số 2186, tờ bản đồ số 18, đất tọa lạc: Ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CV 849402, số vào sổ cấp GCN: CS09814 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Lữ Cơ Đức và chị Nguyễn Thị Kiều đứng tên ngày 01-7-2020. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp thửa đất số 1959 gồm các đoạn dài 37,54 m + 7,70 m + 2,76 m, Tây giáp thửa đất số 2185 dài 48,02 m, Nam giáp đường bê tông dài 7,86

m và Bắc giáp thửa đất số 1963 dài 8,94 m. Đất trị giá: 786.000.000 đồng (*Có Bản Trích đo chính lý bản đồ địa chính kèm theo*).

- Giao cho anh Đức được quyền sở hữu 01 căn nhà tường cấp 4 có diện tích 95,5 m², kết cấu: Móng gạch, cột gạch, tường gạch có tô, mái tole, có la phong, sơn nước, nền lát gạch ốp lát các loại, cửa sắt kính, có nhà vệ sinh bên trong nhà và xây dựng năm 2012 nằm trên phần đất như trên. Nhà trị giá: 82.267.615 đồng.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh biến động đất đai như phần quyết định đã tuyên khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Anh Đức có nghĩa vụ thanh toán lại chị Kiều số tiền từ việc chia tài sản chung là 259.533.807 đồng (*Hai trăm năm mươi chín triệu năm trăm ba mươi ba nghìn tám trăm lẻ bảy*) đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Kiều về việc yêu cầu chia tài sản chung là công trình phụ và các vật dụng trong nhà.

Chị Kiều có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu trên.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lưu Thị Giúp về việc yêu cầu chị Kiều và anh Đức phải trả số tiền vay 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng và 10 chỉ vàng 24K 9t8.

Bà Giúp có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với yêu cầu trên.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Lữ Cơ Nguyên về việc yêu cầu chị Kiều và anh Đức có nghĩa vụ trả số tiền vay 240.000.000 đồng.

Anh Đức có nghĩa vụ trả cho anh Nguyên số tiền vay 240.000.000 (*Hai trăm bốn mươi triệu*) đồng.

Ghi nhận anh Nguyên không yêu cầu tính lãi.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Buộc chị Kiều phải chịu 12.976.690 (*Mười hai triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi*) đồng tiền án phí chia tài sản chung và 6.000.000 (*Sáu triệu*) đồng tiền án phí số nợ phải trả, tổng cộng là 18.976.690 (*Mười tám triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Kiều đã nộp là 10.200.000 (*Mười triệu hai trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0025149 ngày 06 tháng 02 năm 2023 và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0025271 ngày 09-3-2023. Chị Kiều còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 8.476.690 (*Tám triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi*) đồng.

6.2. Buộc anh Đức phải chịu 300.000 (Ba trăm) đồng tiền án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con, 18.436.690 (Mười tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi) đồng tiền án phí chia tài sản chung và 6.000.000 (Sáu triệu) đồng tiền án phí trên số nợ phải trả, tổng cộng là 24.736.690 (Hai mươi bốn bảy trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi) đồng.

6.3. Anh Nguyễn không phải chịu án phí nên hoàn trả lại cho anh Nguyễn số tiền tạm ứng án phí mà anh Nguyễn đã nộp là 6.000.000 (Sáu triệu) đồng theo biên lai thu số 0025280 ngày 13-3-2023.

Tất cả các biên lai thu như trên đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

6.4. Bà Giúp và ông Lữ Hồng Nhị là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

7. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Kiều phải 7.400.000 (Bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng và anh Đức phải chịu 11.100.000 (Mười một triệu một trăm nghìn) đồng. Ghi nhận chị Kiều đã nộp số tiền tạm ứng là 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng nên được khấu trừ vào số tiền mà chị Kiều phải chịu và anh Đức có nghĩa vụ nộp lại số tiền trên để hoàn trả lại cho chị Kiều.

9. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

10. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Cẩm Giang;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh